TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 9 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi, ông Nguyễn Hạ Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan, Thư ký TAND khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hà Nội tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn*****:** Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 19/10/1983; *(có mặt);*

Số CCCD: 001183034194; do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/7/2021;

****/ Bị đơn*****:** Anh Chu Văn Q, sinh ngày 01/8/1984; *(vắng mặt);*

Số CC: 001084028606; do Bộ Công an cấp ngày 09/8/ 2024;

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn TA, xã VD, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị Hoài T là nguyên đơn trình bày: chị và anh Chu Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VD, huyện Ứng Hoà (nay là xã VD) năm 2005. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, vợ chồng cãi nhau thường xuyên, những lúc nóng giận anh Q thường đánh chị. Nghĩ vì thương con, cố nhẫn nhịn vì con nên chị vẫn tiếp tục chung sống với anh Q. Tuy là vợ nhưng lần nào vợ chồng mâu thuẫn chị cũng phải là người xuống

nước nói lời xin lỗi làm lành với anh Q trước ngay cả khi chị không có lỗi. Nhưng đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn, chị không thể chịu đựng được nữa, chị không muốn các con chị chứng kiến cảnh bố mẹ thường xuyên cãi nhau, bố đánh mẹ, bản thân chị cũng không còn tình cảm gì với anh Q nữa, chị cũng không thể tiếp tục chung sống với một người chồng như anh Q, chị luôn trong tâm trạng lo sợ nên chị Q định làm đơn xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là Chu DA, sinh ngày 22/8/2005; Chu MA, sinh ngày 18/10/2012 và Chu TA, sinh ngày 06/7/2015. Hiện con chung Chu DA đã khôn lớn, trưởng thành và khoẻ mạnh nên chị không có yêu cầu gì. Hai con chung Chu MA và Chu TA đều đang ở với bố. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Hiện chị làm nghề buôn bán tự do, bán túi xách, thu nhập bình quân hàng tháng của chị khoảng từ 12-15 triệu đồng/tháng. Do là làm nghề tự do nên chị không có giấy tờ xác nhận thu nhập để nộp cho Toà án.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải Q.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Chu Văn Q là Bị đơn trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Hoài T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VD, huyện Ứng Hoà (nay là xã VD) năm 2005. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn cãi nhau, anh thừa nhận trong lúc nóng giận do không kiểm soát được bản thân nên anh có đánh chị T, nhưng chỉ là cái tát. Chỉ có duy nhất lần chị T đi làm săm môi, anh không đồng ý nhưng chị T cố làm dấu, anh biết thì có đánh chị T đau hơn. Tuy nhiên, sau mỗi lần mâu thuẫn vợ chồng lại bình thường. Đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng về việc học hành của con cái và về kinh tế gia đình, chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị đã sống ly thân 4 tháng nay, không nói chuyện gì với nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, quan điểm anh: không đồng ý ly hôn, anh rất bất ngờ về Q định này của chị T; tuy nhiên tại buổi hoà giải anh nhận thấy chị T cương Q xin ly hôn, anh không thể làm chị T thay đổi Q định nên anh đành chấp nhận ly hôn.

Hiện nay anh đang làm công nhân cơ khí cho doanh nghiệp tư nhân, thu nhập bình quân hàng tháng của anh khoảng 8-9 triệu đồng/tháng. Anh cũng không có giấy tờ xác nhận thu nhập để nộp cho toà án. Anh đi làm đi đi về về nhà ở thôn Dũng Cảm, xã Ứng Hoà, thành phố Hà Nội. Hiện cả hai con chung MA và TA đang ở với anh và mẹ đẻ anh. Mẹ đẻ anh năm nay đã 73 tuổi.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là Chu DA, sinh ngày 22/8/2005; Chu MA, sinh ngày 18/10/2012 và Chu TA, sinh ngày 06/7/2015. Hiện con chung Chu DA đã khôn lớn, trưởng thành và khoẻ mạnh nên anh không có yêu cầu gì. Hai con chung Chu MA và Chu TA đều đang ở với bố. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải Q.

* *Tại phiên tòa*, chị T có mặt; anh Q vắng mặt; Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự đều không nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hà Nội phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải Q vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải thành vì nguyên đơn cương Q xin ly hôn và xin được nuôi cả hai con chung, bị đơn đồng ý ly hôn và đề nghị được nuôi cả hai con chung. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải Q: cho chị T được ly hôn anh Q; giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có thay đổi khác; chị T nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hoài T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn – anh Chu Văn Q có địa chỉ thường trú tại thôn TA, xã VD, thành phố Hà Nội và chỗ ở hiện tại là thôn Dũng Cảm, xã Ứng Hoà, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hà Nội tiến hành thụ lý, giải Q theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có quan điểm đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt anh trong trường hợp anh vắng mặt. Hội đồng xét

xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Chu Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VD ngày 14/01/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân đều xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, có xảy ra cãi nhau và anh Q có đánh chị T nhiều lần; gần đây mâu thuẫn do bất đồng từ chuyện học hành của các con và kinh tế gia đình nên chị T đã sống ly thân với anh Q mấy tháng nay.

Chị T làm đơn và trình bày cương Q xin được ly hôn với anh Q, anh Q không đồng ý ly hôn, nhưng tại phiên hoà giải tại Toà án, anh Q nhận thấy chị T cương Q xin ly hôn anh nên anh cũng đồng ý ly hôn. HĐXX thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q và chị T là căng thẳng, có xảy ra những xô xát căng thẳng, có thời gian sống ly thân, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh Q là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Q và chị T có 03 con chung là Chu DA, sinh ngày 22/8/2005; Chu MA, sinh ngày 18/10/2012 và Chu TA, sinh ngày 06/7/2015. Chị T và anh Q đều xác nhận hiện con chung Chu DA đã khôn lớn, trưởng thành và khoẻ mạnh nên đều không có yêu cầu gì. Chị T và anh Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung Chu MA và Chu TA; HĐXX nhận thấy, con chung Chu MA là con gái, đang ở độ tuổi dậy thì nên rất cần đến sự chăm sóc, chỉ bảo, chia sẻ của người mẹ, người mẹ là người đồng hành cùng con gái trong giai đoạn phát triển, thay đổi tâm sinh lý đặc biệt này; tại biên bản lấy lời khai của hai con chung MA và TA thì cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi hai bố mẹ ly hôn, bản thân con chung Chu DA là con trai lớn đã trưởng thành cũng có quan điểm: "đề nghị khi bố mẹ ly hôn thì Toà giao hai em cho mẹ nuôi dưỡng sẽ ổn thoả hơn, vì nhà nội toàn buông bỏ, không có trách nhiệm với các con". Thực tế, anh Q đi làm ở Chương Mỹ, rất xa nhà nên đi làm từ sáng sớm, về nhà cũng đã tối muộn; cháu MA và TA ở với bà nội nay đã 73 tuổi, cả hai cháu đều đang học tập tại xã VD, thành phố Hà Nội nên việc đưa đón các cháu hầu hết do chị T đi từ VD xuống xã Ứng Hoà để đón đưa các cháu, thỉnh thoảng có bác hoặc anh trai đưa đi. Khoảng cách giữa nhà anh Q với nhà chị T cũng không xa, chỉ khoảng 7km, nên việc đi lại thăm nom con, đón đưa về nhà nội chơi thực hiện được rất dễ dàng.

Do đó, HĐXX Q định giao cả hai con chung Chu MA và Chu TA cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn là có căn cứ, phù hợp với sự ổn định, phát triển tâm sinh lý lứa tuổi của con chung, phù hợp với quy định pháp luật;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có thay đổi khác.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh Q và chị T đều không đề nghị Tòa giải Q, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải Q.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị T phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ Điều 55, Điều 81; Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị Q 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Chu Văn Q.

2. Về con chung: Anh Chu Văn Q và chị Nguyễn Thị Hoài T có 03 con chung là: Chu DA, sinh ngày 22/8/2005; Chu MA, sinh ngày 18/10/2012 và Chu TA, sinh ngày 06/7/2015. Chị T và anh Q đều xác nhận hiện con chung Chu DA đã khôn lớn, trưởng thành và khoẻ mạnh, đều không có yêu cầu gì. Sau ly hôn, giao cả hai con chung Chu MA và Chu TA cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hoài T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005417 ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án – đối với đương sự có mặt tại phiên toà; kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ - đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

]

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện